

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Triệu Thị S**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị S và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị S và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung*: Chị Triệu Thị S và anh Bùi Văn T có 03 con chung là Triệu Yến L, sinh ngày 03/02/2006; Triệu Bùi Ngọc A, sinh ngày 08/7/2012 và Triệu Bùi Tường V, sinh ngày 21/01/2018. Khi ly hôn, chị Triệu Thị S nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung. Anh Bùi Văn T nhận nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị Triệu Thị S ở mức 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng một tháng cho con chung là Triệu Yến L và 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng một tháng cho mỗi con chung là Triệu Bùi Ngọc

A và Triệu Bùi Tường V. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. *Về tài sản chung*: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

2.5. *Về án phí*: Chị Triệu Thị S nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003748 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Triệu Thị S đã nộp xong các khoản án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
 - Viện KSND huyện Lạc Sơn;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
 - UBND P. T – TP. H - HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 02/4/2004)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn